

TỔ KHỐI LÁ**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Phú Mỹ, ngày 06 tháng 09 năm 2024***KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TỔ KHỐI LÁ
NĂM HỌC: 2024-2025**

Căn cứ Kế hoạch số 380/KH-MNHN ngày 04/9/2024 của trường MN Hoa Mai về Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025;

Căn cứ vào tình thực tế tổ khối Lá xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 cụ thể của tổ như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA TỔ KHỐI LÁ:

- Tổ khối Lá có 10 giáo viên/ 5 lớp
- Gv có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn: 10/10 tỉ lệ 100%
- + Trên chuẩn: 07/10 Tỉ lệ 70%
- + Đạt chuẩn: 3/10 tỉ lệ 30%
- + Trình độ anh văn: 10/10gv (1 VB 2, 8B, 1A)
- + Trình độ tin học: 10/10gv (9B, 1A)
- Tổng số trẻ: 195 trẻ/100 nữ.
 - Lớp lá 1: 39/20 nữ
 - Lớp lá 2: 39/16 nữ
 - Lớp lá 3: 39/24 nữ
 - Lớp lá 4: 39/20 nữ
 - Lớp lá 5: 39/20 nữ
- Tổng số trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì
 - + Trẻ SDD 2 thể (nhẹ cân + thấp còi): 01/195. Tỷ lệ: 0,51%
 - + Trẻ SDD 2 thể (nhẹ cân + thấp còi nặng): 0. Tỷ lệ: 0%
 - + Trẻ SDD 2 thể (nặng + thấp còi nặng): 0. Tỷ lệ: 0%
 - + Trẻ SDD thể gầy còm: 7/195 Tỷ lệ: 3,6%
 - + Trẻ thấp còi độ 1: 3/195 Tỷ lệ: 1,54%
 - + Trẻ thừa cân: 39/195 Tỷ lệ: 20%

Tỷ lệ: 0%

Tỷ lệ: 6,67%

2/195. Tỷ lệ: 67,7%

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm sâu sát của lãnh đạo ngành, BGH nhà trường, được sự phối hợp, hỗ trợ nhiệt tình của ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị bên trong, bên ngoài nhà trường. Trong hè trường được sửa chữa và sơn mới: bàn, ghế, đồ chơi, đường nước, khu vui chơi ngoài trời,... để phục vụ tốt các hoạt động cho trẻ.

- Có 5/5 phòng học được trang bị máy vi tính, màn hình Spark kết nối mạng Internet và kết nối phần mềm kidsmart, happykids. Được trang bị tivi ngoài hành lang trình chiếu những hình ảnh hoạt động của lớp tuyên truyền đến cha mẹ trẻ, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi theo quy định. Sân trường rộng, trang bị đầy đủ đồ chơi ngoài trời đáp ứng nhu cầu vận động của trẻ.

- Giáo viên đạt trình độ trên chuẩn và chuẩn theo quy định 100 %.

- Tập thể tổ đoàn kết, có ý thức tốt trong công tác chăm sóc - nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Giáo viên năng nổ, nhiệt tình, sáng tạo, có tinh thần, trách nhiệm trong công tác.

- 10 GV tích cực tham gia học tập, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên hàng năm cập nhật những kiến thức mới kịp thời. Luôn sáng tạo trong việc trang trí lớp theo dạng mở các chuyên đề trọng tâm của trường như: Chuyên đề “Phát triển vận động”, chuyên đề “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” và giáo dục trẻ tiết kiệm năng lượng mọi lúc mọi nơi.

2. Khó khăn:

- Sĩ số không ổn định do có nhiều trẻ là dân nhập cư tạm trú từ nơi khác chuyển đến nên sĩ số trẻ hay thay đổi do nguyên nhân về quê.

- Gần 30% cháu trong khối lá chưa được qua lớp mầm, chồi. Do đó, gặp nhiều khó khăn trong việc chăm sóc và giáo dục các cháu qua các hoạt động như: Chưa có nề nếp học tập, các kỹ năng, các thao tác của cháu còn yếu và hạn chế.

- Kết nối Mạng internet chậm chạp gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các bài giảng, thiết kế các trò chơi phần mềm spark, canva, Poworpoint... để dạy trẻ.

- Một số ít GV chưa nghiên cứu tài liệu hướng dẫn các phần mềm có ứng dụng CNTT trong việc soạn giảng, cũng như việc UDCNTT trong tổ chức 1 số hoạt động.

- Một số cha mẹ trẻ chưa nhiệt tình phối hợp với giáo viên trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ đặc biệt là chăm sóc cho trẻ thừa cân, béo phì.

- Một số lớp trang trí theo dạng mở còn chưa phong phú đa dạng.

- Chưa khai thác hết hiệu quả của màn tương tác (chỉ sử dụng được các tính năng đơn giản) cũng như hiệu quả của phòng máy.

MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRẺ KHỐI LÁ

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết

4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

5. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ NĂM HỌC 2024-2025

LĨNH VỰC	SỐ TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	+ Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: tay, lưng, bụng, lườn, chân
	2	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 100 - 120m.
	3	- Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	+ Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh + Bật xa tối thiểu 50cm + Nhảy xuống từ độ cao 40cm + Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m

			so với mặt đất
	4	- Phối hợp tay - mắt trong vận động:	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	5	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện các bài tập.	+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 gióng thang. + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.
	6	- Thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	+ Thể hiện linh hoạt uốn các ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay qua các động tác múa: hái đào, cuộn đèn, mời mỗ,...
	7	- Phối hợp được cử động bàn	+ Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ

		tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động	số. + Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản + Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu. + Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhầm
	8	- Tô, đồ theo nét.	+ Thực hành tô màu trong các hình vẽ có sẵn, học cách điều khiển nét bút sao cho không bị lem ra ngoài đường viền.
	9	- Phối hợp được cử động bàn tay Tự cởi và mặc được áo, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc mơ tuya.	+ Cài khuy áo, mở khuy áo + Cài và mở quai giày + Mở và đóng dây kéo quần, dây kéo cặp, dây kéo áo khoác
	10	- Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm	+ Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
	11	- Nói được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày	+ Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
	12	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe	+ Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
	13	- Thực hiện được một số việc đơn giản, tự phục vụ trong sinh hoạt.	+ Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. + Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
	14	- Sử dụng đồ dùng ăn uống	+ Tập luyện kỹ năng: Dùng muỗng, đũa,

	thành thạo.	nĩa, ly uống nước đúng cách và thành thạo trong bữa ăn
15	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	+ Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lạnh, ăn quà vặt ngoài đường.
16	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	+ Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp + Nói với người lớn khi bị đau, sốt, chảy máu.... + Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhỏ bậy ra lớp.
17	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	+ Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.
18	- Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm	+ Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.
19	- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	+ Biết không được cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.... + Biết không tự ý uống thuốc. + Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.

	20	- Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	+ Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... + Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân, khi bị đi lạc biết gọi người lớn giúp đỡ.
	21	- Biết tránh một số trường hợp không an toàn	+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.
	22	- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	+ Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.
	23	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm	+ Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
	24	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.	+ Biết lựa chọn trang phục phù hợp với điều kiện thời tiết để bảo vệ sức khỏe: đi nắng đội mũ, đi vớ, mặc áo ấm khi trời lạnh.
	25	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.	+ Nhận diện các triệu chứng cơ bản của bệnh như sốt, ho, sổ mũi, đau họng, và đau bụng và thông báo ngay cho người lớn
	26	- Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng	+ Quan sát, tìm hiểu và đặt câu hỏi về những gì xảy ra xung quanh + Đặt câu hỏi: “Tại sao trời có mưa”, “Sao nước lại bay hơi”, ... + Theo dõi và so sánh sự phát triển của

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			cây, cây lớn lên nhờ gì,..
	27	- Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng.	+ Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...
	28	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản	+ Sử dụng các công cụ học tập như kính lúp, thước đo, bình chứa nước,... để hỗ trợ việc khám phá.
	29	- Quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	+ Quan sát, so sánh sự khác biệt và giống nhau giữa các sự vật hoặc hiện tượng, và đưa ra dự đoán dựa trên những gì trẻ đã quan sát được. + Thảo luận và nhận xét về những gì đã quan sát được
	30	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	+ Xem sách, tranh ảnh, video clip,... và tham gia vào các cuộc trò chuyện và thảo luận, trẻ nắm bắt thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, giúp phát triển khả năng phân tích và tổng hợp thông tin.
	31	- Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
	32	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	+ Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
	33	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	+ Tham gia vào các hoạt động thử nghiệm và thực hành để tìm ra các giải pháp khác nhau cho một vấn đề cụ thể.

	34	- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả,...
	35	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	+ Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	36	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	+ Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
	37	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	+ Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	38	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	+ So sánh số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng nhiều cách để xác định nhiều hơn, ít hơn hoặc bằng nhau.
	39	- Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	+ Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm
	40	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	+ Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm
	41	- Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	+ Nhận diện các số từ 5 đến 10 thông qua các thẻ số, hình ảnh, hoặc các trò chơi số học.
	42	- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống	+ Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà,

		hàng ngày	biển số xe,..).
	43	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	+ Sắp xếp các đối tượng theo các quy tắc cụ thể, như theo kích thước (nhỏ đến lớn), màu sắc, hình dạng, hoặc theo số lượng 1-1; 1-2-1-2,...
	44	- Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	+ So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc
	45	- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	+ Tạo ra quy tắc sắp xếp theo suy nghĩ của trẻ.
	46	- Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	+ Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. + Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. + Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
	47	- Nhận biết, gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	+ Trẻ gọi tên được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
	48	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	+ Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
	49	- Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung	+ Phân loại và gọi tên các nhóm cây cối và con vật dựa trên các đặc điểm chung như: cây ăn quả, cây hoa, hoặc loại động vật nuôi, động vật hoang dã, ...
	50	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.	+ Các đặc điểm cơ bản của con vật, cây, hoa, quả: hình dáng, màu sắc, kích thước, và âm thanh phát ra.

			+ Có nhiều lợi ích cho cuộc sống.
	51	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống	+ Các giai đoạn phát triển của cây, con vật: gieo hạt, nảy mầm, cây con,... Giai đoạn sơ sinh, trưởng thành, sinh sản,... + Biết về các điều kiện cần thiết cho sự sống và phát triển: ánh sáng, đất, nước, không khí,...
	52	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.	+ Biết và hiểu được các đặc điểm, hành vi, và môi trường sống của các cây, hoa, quả con vật, khác nhau: Hình dạng và kích thước, Màu sắc, Số lượng và loại chân, Nơi sinh sống, Sinh sản, Di chuyển,...
	53	- Phân loại vật, cây, hoa, quả theo 2 - 3 dấu hiệu.	+ Phân loại con vật dựa trên các đặc điểm rõ ràng: 2 chân, lông vũ thuộc nhóm gia cầm; 4 chân như bò, chó, mèo, heo,... thuộc nhóm gia súc; 6 chân như Ong, bướm,... thuộc nhóm côn trùng; động vật ăn thịt là thú dữ; động vật ăn cỏ là hiền,... + Trẻ nhận diện, phân loại, và hiểu các đặc điểm của cây, hoa, quả: cây thân gỗ, cây thân mềm, quả nhiều hạt, hoa đơn, hoa kép,...
	54	- Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự	+ Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. + Gọi tên các thứ trong tuần
	55	- Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.

	56	- Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
	57	- Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	+ Số nhà, tên đường, phường, quận/huyện và số điện thoại của người thân
	58	- Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
	59	- Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	+ Gọi đúng tên và nhận biết các nhân viên làm việc trong trường học như: bảo vệ, cô lao công, nhân viên y tế, và cấp dưỡng. + Các công việc và nhiệm vụ của từng nhân viên như: công việc gác cổng của bảo vệ; công việc dọn dẹp của cô lao công; công việc chăm sóc sức khỏe của nhân viên y tế; và công việc chuẩn bị bữa ăn của cấp dưỡng.
	60	- Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
	61	- Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung	+ Trẻ biết cách phân loại và gọi tên các nhóm cây cối và con vật dựa trên các đặc điểm chung như: loại cây (cây ăn quả, cây hoa) hoặc loại con vật (động vật nuôi, động vật hoang dã),...
	62	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây,	+ Trẻ quan sát và nhận ra các giai đoạn phát triển của cây cối và con vật như: từ

	con vật và một số hiện tượng tự nhiên	hạt giống thành cây; từ trứng thành con vật trưởng thành. + Trẻ tìm hiểu về các hiện tượng tự nhiên như mùa thay đổi, thời tiết, và các hiện tượng khác ảnh hưởng đến môi trường.
63	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra	+ Các dấu hiệu và đặc điểm của hiện tượng tự nhiên như sự thay đổi của thời tiết, sự hình thành của mây, hay các dấu hiệu của mùa,... + Dự đoán các hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra dựa trên quan sát
64	- Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
65	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	+ Các lễ hội truyền thống và quốc tế như: Tết Nguyên Đán, Trung Thu, Giáng Sinh, 20/10, 20/11, 22/12, 8/3, 30/4, 1/5, 2/9...
66	- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử trên quê hương, đất nước Việt Nam, biết thông tin về Bác Hồ.	+ Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. + Trẻ biết Bác Hồ là vị lãnh tụ dân tộc. Bác Hồ rất yêu các cháu nhỏ và các cháu rất kính yêu Bác Hồ. Lăng Bác Hồ được đặt tại Quảng trường Ba Đình ở Thủ Đô Hà Nội.
67	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày	+ Trẻ học cách hiểu và giải thích các mối quan hệ đơn giản giữa nguyên nhân và kết quả trong các tình huống hàng ngày như; nếu trời mưa thì đất ẩm, hoặc nếu không tưới nước cho cây thì cây không phát triển.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	68	- Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	+ Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
	69	- Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	+ Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
	70	- Lắng nghe và hiểu sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	71	- Nhận xét ý kiến của người đối thoại.	+ Sử dụng ngôn ngữ và từ ngữ phù hợp để nhận xét ý kiến, và phản hồi về ý kiến của người đối thoại một cách phù hợp
	72	- Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	+ Kể lại sự việc, hiện tượng theo trình tự trẻ đã được quan sát, nhìn thấy.
	73	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	+ Sử dụng từ ngữ phù hợp với các tình huống giao tiếp khác nhau khi giao tiếp mọi người.
	74	- Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...	+ Sử dụng các loại câu khác nhau (câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh) trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.
	75	- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.	+ Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
	76	- Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
	77	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt	+ Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.

	sự kiện... trong nội dung truyện.	
78	- Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	+ Tham gia đóng kịch.
79	- Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng ... phù hợp với tình huống.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
80	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	+ Sử dụng giọng nói phù hợp với ngữ cảnh, các tình huống. + Đọc các thơ, đồng dao hoặc hát và thay đổi giọng nói để phù hợp với các phần khác nhau của bài hát như: vui nhộn, nhẹ nhàng, lắng đọng.
81	- Chọn sách để “đọc” và xem.	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
82	- Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	+ Kể chuyện sáng tạo theo đồ vật, theo tranh.
83	- Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	+ Làm quen với cách đọc tiếng Việt: Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
84	- Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	+ Làm quen với cách viết: Hướng viết của các nét chữ
85	- Nhận ra ký nhà vệ sinh, lối ra - vào,...	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, ...)
86	- Nhận diện được 4 nhóm biển báo giao thông đơn	+ Làm quen với một số nhóm biển báo giao thông đơn giản, đường cho người đi

		giản.	bộ,...)
	87	- Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	+ Nhận dạng các chữ cái.
	88	- Tô, đồ các nét chữ	+ Tập tô, tập đồ các nét chữ.
	89	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	+ Tập sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	90	- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	+ Nói chính xác các thông tin cơ bản về bản thân, gia đình và địa chỉ nhà
	91	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	+ Sở thích, khả năng của bản thân.
	92	- Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	+ Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
	93	- Biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.	+ Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình
	94	- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	+ Vâng lời, giúp đỡ ba mẹ, cô giáo và người khác những việc vừa sức trong các tình huống hàng ngày.
	95	- Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	+ Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
	96	- Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	+ Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	97	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui,	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên,

	buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
98	- Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	+ Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
99	- Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	+ Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, người thân
100	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	+ Nhận diện được hình ảnh của Bác Hồ qua các tranh ảnh và tài liệu minh họa + Nhận biết các địa điểm quan trọng gắn liền với hoạt động và cuộc đời của Bác Hồ như: chỗ ở, nơi làm việc, để trẻ hiểu và nhận thức về những địa điểm có ý nghĩa lịch sử.
101	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	+ Biết Kính yêu Bác Hồ.
102	- Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
103	- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình	+ Một số quy định ở lớp, gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ)
104	- Thực hiện số quy định an toàn giao thông nơi công cộng	+ Đi bộ đúng cách trên vỉa hè hoặc lề đường, giữ khoảng cách an toàn với xe cộ và luôn đi bên phải khi có thể. + Tuân thủ quy định luật giao thông

	105	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	+ Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự phù hợp với hoàn cảnh
	106	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, không ngắt lời khi người khác nói.
	107	- Biết chờ đến lượt.	+ Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
	108	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, với bạn.	+ Lắng nghe, trao đổi, thỏa thuận và giải quyết vấn đề cùng bạn bè, và học cách làm việc nhóm.
	109	- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	+ Sử dụng lời nói, hành động để giải quyết xung đột
	110	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	+ Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
	111	- Bỏ rác đúng nơi quy định.	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường.
	112	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	+ Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	113	- Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	+ Tiết kiệm điện, nước trong lớp học và gia đình. + Ăn hết khẩu phần ăn của mình
	114	- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

	115	- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.	+ Chú ý lắng nghe các bài hát và bản nhạc và thể hiện cảm xúc của mình thông qua các hoạt động: hát theo, nhún nhảy, lắc lư, và thực hiện các động tác minh họa phù hợp với giai điệu và nội dung của bài hát.
	116	- Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện	+ Thích nghe và đọc các tác phẩm văn học và cảm thụ nghệ thuật.
	117	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	+ Quan sát các tác phẩm nghệ thuật như tranh vẽ, hình ảnh, đồ vật tạo hình, từ đó cảm thụ và nhận xét các yếu tố nghệ thuật như màu sắc, hình dáng, và bố cục.
	118	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	+ Hát đúng theo giai điệu và lời ca của bài hát và thể hiện cảm xúc, sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, và cử chỉ, từ đó phát triển khả năng diễn cảm và biểu cảm trong âm nhạc.
	119	- Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
	120	- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	+ Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
	121	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	+ Lựa chọn, phối hợp các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	122	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố	+ Lựa chọn, Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm nghệ thuật có màu sắc, kích thước, hình dáng/

		cục cân đối.	đường nét và bố cục hài hòa.
	123	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	+ Lựa chọn, Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm và sắp xếp các chi tiết sao cho sản phẩm cuối cùng có tính thẩm mỹ và cân đối.
	124	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	+ Tìm kiếm, chọn lựa và kết hợp các dụng cụ, nguyên vật liệu xung quanh để làm sản phẩm.
	125	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	+ Lựa chọn, Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra các tác phẩm nghệ thuật, giúp phát triển khả năng sáng tạo, tư duy hình ảnh và sự khéo léo.
	126	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	+ Nhìn nhận và đánh giá các yếu tố như màu sắc, hình dáng, và cách sắp xếp trong các sản phẩm tạo hình, nhận xét và cảm nhận về tính thẩm mỹ của các sản phẩm.
	127	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	+ Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích từ các dụng cụ âm nhạc đơn giản như: trống, xắc xô,... và nhảy múa, lắc lư, thực hiện các động tác vận động theo giai điệu bài hát.
	128	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	+ Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
	129	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
	130	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.

**C. PHẦN III. THỜI GIAN THỰC HIỆN PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH
CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2024 – 2025 (35 TUẦN) CỦA TỔ KHỐI
LÁ**

STT	CHỦ ĐỀ	TUẦN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	TỪ NGÀY → NGÀY
HỌC KÌ 1: 18 TUẦN				
1	Trường Mầm non Hoa Mai thân yêu của bé (2 tuần)	1	1 Trường mầm non Hoa Mai của bé.	09/9/2024 - 13/9/2024
		2	2. Lớp học thân yêu của	16/9/2024 - 20/9/2024
2	Bản thân của bé (2Tuần)	3	1. Các giác quan của bé	23/9/2024 -27/9/2024
		4	2. Tôi cần gì lớn lên và khỏe mạnh?	30/09/2024 - 04/10/2024
3	Gia đình bé yêu (3. Tuần)	5	1. Nhà của bé	07/10/2024 -11/10/2024
		6	2. Những người thân của bé. Thứ 6 sinh hoạt Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	14/10/2024 -18/10/2024
		7	3. Nhu cầu gia đình của bé.	21/10/2024 - 25/10/2024
4	Những ngành nghề quanh bé (4 tuần)	8	1. Bác nông dân, cô bán hàng	28/10/2024 - 01/11/2024
		9	2. Nghề dịch vụ- Nghề xây dựng	04/11/2024 - 08/11/2024
		10	3. Chú bộ đội và chú công an của bé	11/11/2024 -15/11/2024
		11	4. Nghề chăm sóc sức khỏe và giáo dục bé -Thứ 4, Ngày 20/11 Ngày nhà	18/11/2024 - 22/11/2024

			giáo	
5	Thể giới thực vật (4 tuần)	12	1. Bé yêu cây xanh và môi trường sống	25/11/2024 - 29/11/2024
		13	2. Bé biết những loại hoa gì?	02/12/2024 - 06/12/2024
		14	3. Các loại quả bé thích	09/12/2024 - 13/12/2024
		15	4. Bé thích các loại rau nhiều vitamin Thứ 6 sinh hoạt ngày 22/12	16/12/2024 - 20/12/2024
6	Một số hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	16	1.Các hiện tượng thiên nhiên Thứ 3, tổ chức Noel cho bé trong sinh hoạt chiều.	23/12/2024 - 27/12/2024
		17	2. Nước - cát - sỏi – đá Thứ 4 nghỉ tết dương lịch 1/1/2025	30/12/2024 - 03/01/2025
		18	3. Cùng bé bảo vệ môi trường. Biến đổi khí hậu	06/01/2025 - 10/01/2025
HỌC KÌ II: 17 TUẦN				
7	Tết và Mùa xuân (3 tuần)	19	1. Mùa xuân của em	13/01/2025 - 17/01/2025
		20	2. Tết nguyên đán	20/01/2025 - 24/01/2025
Nghỉ tết Nguyên Đán và ổn định sau tết (Từ ngày 25/1/2025 đến ngày 02/02/2025)				

8	Danh lam thắng cảnh quê em (2 tuần)	21	1. Danh lam thắng cảnh quê em	03/02/2024 – 07/02/2024
		22	2. Di tích lịch sử và các ngày lễ hội quê em	10/02/2025 - 14/02/2025
9	An toàn giao thông (2 tuần)	23	1. Các loại phương tiện giao thông	17/02/2025 - 21/02/2025
		24	2. Các biển báo giao thông quen thuộc - Thứ 7, Ngày Quốc Tế Phụ Nữ 8/3	24/02/2025 - 28/02/2025
10	Thế giới động vật (5 tuần)	25	1. Những con vật đáng yêu trong gia đình bé	03/03/2025 - 07/03/2025
		26	2. Một số con vật sống trong rừng	10/03/2025 - 14/03/2025
		27	3. Một số con vật sống dưới nước	17/03/2025 - 21/03/2025
		28	4. Một số loại chim	24/03/2025 - 28/03/2025
		29	5. Côn trùng - Thứ 5, Lòng ghép sinh hoạt ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3)	31/03/2025 - 04/04/2025
11	Quê hương khu phố thân yêu của bé (2 tuần)	30	1. Thủ Dầu Một thân yêu của bé	07/04/2025 - 11/04/2025
		31	2. Khu phố nơi bé đang sống	14/04/2025 -18/04/2025
12	Trường tiểu học (2 tuần)	32	1.Trường Tiểu Học	21/04/2025 - 25/04/2025
			- Lễ 30/4 và 1/5 (thứ 4, thứ 5)	28/04/2025 - 02/05/2025

		33	2 Bé chuẩn bị vào lớp 1	05/05/2025 - 09/05/2025
13	Thủ đô Hà Nội Và Bác Hồ kính yêu (2 tuần)	34	1. Thủ đô Hà Nội	12/5/2025 - 16/05/2025
		35	2. Bác Hồ kính yêu -Thứ 2, ngày 19/5 sinh nhật Bác Hồ	19/05/2025 - 23/05/2025

Các ngày lễ hội tổ chức trong năm:

- Tổ chức chung toàn trường:

- Ngày Hội đến trường
- Ngày Tết trung thu:
- Ngày tổng kết năm học và Tết thiếu nhi
- Ngày Tết Nguyên Đán

- Tổ chức theo tổ:

- Ngày Tết cô giáo (20/11)
- Ngày Tết chú bộ đội (22/12)
- Ngày Tết của bà, mẹ (8/3)

- Tổ chức theo lớp:

- Ngày sinh nhật Bác Hồ: 19/5
- Mừng sinh nhật các cháu trong tháng: Thứ sáu tuần cuối tháng (kết hợp tổ chức BTLNT)

D. PHẦN IV. LỊCH SINH HOẠT KHỐI LÁ

THỜI GIAN		THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6h30 - 7h00	30'	Đón trẻ				
7h00 - 7h15	15'	Thẻ đục sáng, điểm danh, tiêu chuẩn bé ngoan				
7h15 - 7h55	40'	Vệ sinh - Ăn sáng				
8h00 - 8h40	40'	Hoạt động ngoài trời				
8h40 - 8h50	10'	Vệ sinh - uống sữa				

8h50 - 9h40	50'	Khám phá khoa học ** Giáo dục âm nhạc	Tạo hình ** Thể dục giờ học	Làm quen văn học	Làm quen với toán	Làm quen chữ viết
9h40 - 10h20	40'	Hoạt động vui chơi				
10h20 - 10h30	10'	Vệ sinh, chuẩn bị ăn trưa				
10h30 - 11h30	60'	Ăn trưa				
11h30 - 14h00	150 ,	Ngủ trưa				
14h00 - 14h15	15'	Vệ sinh sau khi ngủ dậy, ăn nhẹ				
14h15 - 15h10	55'	- Dạy TC mới - HĐNK	- Dạy thao tác vệ sinh - HĐNK	- Dạy kỹ năng	Tạo hình ngoài tiết học - HĐNK	Sinh hoạt tập thể - HĐNK
15h10 - 16h00	50'	Vệ sinh chuẩn bị ăn xế - Ăn xế - vệ sinh				
16h05 - 16h30	25'	Nêu gương				
16h30 - 17h00	30'	Trả trẻ				

Trên đây là kế hoạch chăm sóc và giáo dục năm học 2024–2025 của tổ khối Lá trường mầm non Hoa Mai, nhằm hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện cho trẻ trong năm học này.

Ngày 08 tháng 09 năm 2024
PHÓ HIỆU TRƯỞNG KÝ DUYỆT

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Ngày 06 tháng 09 năm 2024
TTCM



Trần Thị Bích Trâm

